

Hệ thống thông tin và truyền thông trong kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Nguyễn Thị Hoa
NCS, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương

Hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp có rất nhiều yếu tố cấu thành, trong đó mỗi yếu tố đều có chức năng riêng giúp hệ thống kiểm soát nội bộ được thực hiện một cách toàn diện, đạt được mục tiêu. Hệ thống thông tin và truyền thông là nền tảng quan trọng cung cấp dữ liệu để các hoạt động kiểm soát nội bộ có thể thực hiện. Trong bối cảnh hiện nay, xây dựng dữ liệu lớn là tất yếu nhất là với một Tập đoàn kinh tế lớn như VNPT. Hoàn thiện hệ thống thông tin và truyền thông trong kiểm soát nội bộ giúp VNPT có thể quản lý hoạt động của mình một cách hiệu quả.

1. Thực trạng hệ thống thông tin và truyền thông trong kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

1.1. Thực trạng hệ thống thông tin toàn doanh nghiệp

Tại công ty mẹ, theo kết quả khảo sát cho thấy, việc truyền thông tin đến toàn bộ các bộ phận và cá nhân có liên quan được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin tích hợp nội bộ (Intranet Intergrated Information system), mạng nội bộ E-office và các phần mềm quản lý tài liệu có phân cấp về truy cập cho các cá nhân. Sự truyền đạt thông tin như hiện nay về cơ bản là đáp ứng được yêu cầu công việc.

Hệ thống thông tin tích hợp nội bộ cải tiến hình thức phổ biến, trao đổi, tiếp nhận thông tin trong nội bộ doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng xử lý công việc của cán bộ, viên chức thông qua việc tạo lập một kho tư liệu điện tử dùng chung được tổ chức phân cấp sử dụng theo từng chủ đề, chuyên mục thông tin và các công cụ cập nhật, tra cứu thông tin tiện lợi kèm theo.

Trong những năm qua, VNPT đã tập trung các nguồn lực triển khai thành công hệ thống FMIS/MMIS hay còn gọi là ERP, được cung cấp bởi hãng Oracle của Mỹ. Hệ thống ERP đã ngày càng phổ biến và triển khai rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp, các nhà quản lý. Hệ thống ERP mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý kế toán, phân tích tài chính, quản lý mua hàng, quản lý tồn kho, quản lý quan hệ với khách hàng... Với định hướng của VNPT, ngay từ đầu năm 2011, hệ thống ERP đã được VNPT chính thức triển khai tại Văn phòng VNPT và các công ty thành viên.

Hệ thống ERP là phần mềm máy tính tự động hoá các tác nghiệp của đội ngũ nhân viên nhằm mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động và hiệu quả quản lý

toàn diện của VNPT. Đây là một hệ thống dữ liệu tập trung, được vận hành trên các qui trình nghiệp vụ theo chuẩn quốc tế và do đó, đòi hỏi VNPT phải có quy trình được chuẩn hóa, thống nhất. Việc triển khai ERP đảm bảo hệ thống thông tin mang tính thống nhất, phục vụ việc khai thác thông tin, truy vấn dữ liệu của các đơn vị cấp trên được nhanh chóng tiện lợi và tức thời.

Các công ty thành viên đều triển khai ứng dụng ERP nhưng mức độ áp dụng giữa các công ty là chưa đồng đều, một số hệ thống công nghệ thông tin chưa được nâng cấp theo kịp nhu cầu thực tế, đồng thời vấn đề về an ninh bảo mật và độ sẵn sàng cung cấp dịch vụ của các hệ thống là chưa cao.

Bảng 1: Đánh giá về hệ thống thông tin toàn VNPT

	Không đồng ý	Ít đồng ý	Trung lập	Khá đồng ý	Đồng ý	ĐTB
Công ty có hệ thống lưu trữ thông tin hiện đại	0.0%	3.9%	12.9%	31.1%	52.1%	4.31
Công ty có áp dụng mạng nội bộ để truyền thông tin tới mọi thành viên	0.0%	3.9%	7.9%	22.9%	65.3%	4.49
Nhà quản lý luôn có đủ thông tin chính xác để ra quyết định	0.0%	8.9%	26.1%	27.1%	37.9%	3.94
Thông tin được lưu trữ và truyền đầy đủ giữa công ty mẹ và các công ty thành viên	2.9%	7.9%	23.9%	26.8%	38.4%	3.90
Kiểm soát viên có quyền truy cập mọi thông tin cần thiết để thực hiện công việc của mình	1.1%	2.9%	11.8%	35.8%	48.4%	4.28
Việc tra cứu thông tin nội bộ để thực hiện nhiệm vụ là dễ dàng	2.1%	3.9%	15.0%	35.0%	43.9%	4.15
Các thông tin được bảo mật chặt chẽ	1.8%	2.9%	11.1%	31.8%	52.4%	4.30
Tập đoàn triển khai đồng bộ hệ thống quản lý bằng phần mềm tự động	1.6%	5.0%	11.8%	35.0%	46.6%	4.20

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Việc cập nhật thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu giữa công ty mẹ với các công ty thành viên được thực hiện tương đối tốt. Trong Tập đoàn thì sự truyền đạt thông tin từ công ty mẹ xuống các công ty thành viên là kịp thời, chính xác và đầy đủ vì cơ chế truyền đạt thông tin là thông qua người đại diện. Họ có thể thông tin cho Tập đoàn bằng các hình thức như văn bản, fax, email, điện thoại trực tiếp tùy thuộc vào độ cấp bách của thông tin. Các kênh thông tin được xây dựng đều đầy đủ và thông suốt.

1.2. Thực trạng hệ thống thông tin kế toán

Hệ thống thông tin kế toán đóng vai trò quan trọng trong hệ thống KSNB tại tất cả các doanh nghiệp nói chung cũng như của VNPT nói riêng. Thực trạng hệ thống thông tin kế toán được khảo sát, đánh giá, tìm hiểu trên các phương diện: CĐKT áp dụng, mô hình tổ chức, hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán và hệ thống báo cáo kế toán.

Mô hình tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại VNPT bao gồm: Công ty mẹ và các đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty mẹ.

Xuất phát từ mô hình tổ chức như trên, VNPT tổ chức hạch toán theo hình thức phân tán và chia làm ba cấp, cụ thể: Công ty mẹ là đơn vị hạch toán cấp 1; Tại các TCT, đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc công ty mẹ là đơn vị hạch toán cấp 2; tại các công ty, đơn vị hạch toán phụ thuộc các TCT, công ty hạch toán độc lập là đơn vị hạch toán cấp 3.

Hiện tại, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đang áp dụng CĐKT doanh nghiệp như quy định của Nhà nước đối với các Tập đoàn kinh tế.

Do đặc thù của VNPT hoạt động trong rất nhiều lĩnh vực, bao gồm cả sản xuất, xây dựng hạ tầng, kinh doanh dịch vụ viễn thông và các lĩnh vực khác nên hệ thống tài khoản cũng được xây dựng thêm các tài khoản chi tiết sao cho phù hợp. Hệ thống tài khoản áp dụng tại VNPT cũng rất phong phú nhằm phản ánh đầy đủ các đối tượng kế toán cụ thể này. Trong mỗi đặc thù cụ thể của từng loại hình, VNPT đã mở thêm các tài khoản cấp 2. Trong tài khoản cấp 2 được mở thêm các tài khoản cấp 3.

Bảng 2. Đánh giá về hệ thống thông tin kế toán tại VNPT

Nội dung	Không đồng ý	Ít đồng ý	Trung lập	Khả đồng ý	Đồng ý	ĐTB
Hệ thống thông tin kế toán được quản lý bằng phần mềm chuyên dụng, thuận tiện cho việc nhập dữ liệu ở các vị trí khác nhau.	0.0%	2.1%	7.1%	36.1%	54.7%	4.43
Công ty có quy định bằng văn bản trình tự lập và luân chuyển chứng từ	6.8%	7.9%	21.1%	33.9%	30.3%	3.73
Công ty có quy định về việc phân cấp ký trên chứng từ kế toán	3.2%	5.0%	17.9%	32.1%	41.8%	4.04
Bộ phận kế toán thực hiện tốt việc kiểm tra chứng từ trước khi vào sổ	5.0%	8.9%	20.8%	37.1%	28.2%	3.74

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Trong điều kiện công ty mẹ và các đơn vị thành viên đều sử dụng các phần mềm kế toán, do đó các tài khoản đều được quy định mã thống nhất. Chi tiết mã tài khoản cũng được trình bày chi tiết trong CĐKT áp dụng cho VNPT. Có đến gần 90% số người khảo sát đã khẳng định “hệ thống thông tin kế toán được quản lý bằng phần mềm chuyên dụng, thuận tiện cho việc nhập dữ liệu ở các vị trí khác nhau”.

Trong CĐKT ban hành áp dụng cho VNPT đã hướng dẫn rất chi tiết việc hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu, hơn nữa CĐKT mới lại được đào tạo rất kỹ cho kế toán các đơn vị thành viên nên tại Tập đoàn rất ít xảy ra trường hợp cùng một nghiệp vụ mà mỗi đơn vị hạch toán một kiểu.

Về hệ thống BCTC: BCTC được lập tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên là BCTC giữa niên độ và BCTC năm. Mẫu biểu BCTC được thực hiện theo CĐKT thống nhất áp dụng toàn VNPT bao gồm các báo cáo: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh BCTC.

Về cơ bản, các báo cáo quản trị đã đáp ứng đầy đủ thông tin về quản trị nội bộ, tuy nhiên do được lập cùng với hệ thống BCTC nên mẫu biểu một số báo cáo còn chưa thực sự chi tiết, đa phần các báo cáo được lập theo số liệu thực tế phát sinh, chưa có hệ thống báo cáo phân tích biến động giữa số liệu định hướng kế hoạch và số liệu phát sinh tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, theo khảo sát thì cũng chỉ có 60% số người được hỏi cho rằng “bộ phận kế toán thực hiện tốt việc kiểm tra chứng từ trước khi vào sổ”. Nhiều người cho rằng đôi khi việc vào sổ được thực hiện khá nhanh chóng, các chứng từ không được kiểm tra kỹ và có thể dễ bị chà trộn những hoá đơn đi mua. Điều này cũng khá nguy hiểm khi kiểm toán Nhà nước vào kiểm tra.

2. Những hạn chế của hệ thống thông tin và truyền thông trong kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Thứ nhất, tại công ty mẹ, một số phần mềm chưa được hoàn thành và vẫn còn trong giai đoạn thí điểm, vì vậy thông tin đưa vào hệ thống không được cập nhật đầy đủ và hiệu quả. Tập đoàn chưa tiến hành đào tạo cho nhân viên trong việc sử dụng các ứng dụng mới nên nhân viên của Tập đoàn còn gặp nhiều khó khăn khi sử dụng các phần mềm này.

Thứ hai, tại các công ty thành viên, nhiều công ty chưa xây dựng được hệ thống mạng nội bộ để truyền đạt thông tin mà việc truyền đạt thông tin hiện nay vẫn được thực hiện qua email. Việc tổ chức mối liên hệ giữa hệ thống thông tin kế toán với các hệ thống thông tin khác còn chưa đồng bộ và nhất quán.

Thứ ba, nhiều đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn không thực hiện in sổ sách kế toán thường xuyên theo tháng, điều này dẫn tới rủi ro mất số liệu khi phần mềm gặp trục trặc hoặc có vấn đề.

Thứ tư, bên cạnh việc thiếu bộ máy giúp việc, bộ phận KSNB không có đủ công cụ thu thập thông tin để hỗ trợ chức năng giám sát. Mặc dù phần mềm quản lý văn phòng điện tử hiện đại, tuy nhiên họ chỉ được cung cấp một số lượng hạn chế của tài liệu và chỉ được truy cập vào một số mảng thông tin nhất định.

3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin và truyền thông trong kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

3.1. Hoàn thiện hệ thống thông tin chung toàn

doanh nghiệp

Một là, các công ty thành viên tùy theo điều kiện của mình cũng có thể nghiên cứu triển khai Hệ thống thông tin tích hợp nội bộ như tại Công ty mẹ Tập đoàn. Hệ thống này là sự tích hợp của một loạt các tính năng bao gồm: Quản trị nội dung; Quản trị thông tin người dùng và phân quyền truy cập; Cung cấp một số tiện ích cần thiết theo nhu cầu của Doanh nghiệp.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu triển khai ERP tại các đơn vị thành viên còn lại của Tập đoàn. Vì các lĩnh vực như nhân sự, kế hoạch, tài chính... tại các công ty thành viên của Tập đoàn sẽ đạt được hiệu quả cao hơn nếu ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại do quy mô doanh nghiệp được mở rộng càng lớn thì sức ép về khối lượng công việc và chất lượng công việc càng cao. ERP giúp các nhà quản lý dễ dàng tiếp cận các thông tin quản trị đáng tin cậy để có thể đưa ra các quyết định trên cơ sở có đầy đủ thông tin. Hệ thống ERP tập trung các dữ liệu từ mỗi phân hệ vào một cơ sở quản lý dữ liệu chung giúp cho các phân hệ riêng biệt có thể chia sẻ thông tin với nhau một cách dễ dàng. Hơn nữa hệ thống ERP không chỉ thu thập và xử lý khối lượng lớn các giao dịch hàng ngày, mà còn nhanh chóng lập ra các báo cáo phân tích thực trạng rất đa dạng.

3.2. Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán

Một là, đáp ứng đủ nhân lực về kế toán chất lượng cao cho công ty mẹ và các công ty thành viên Tập đoàn.

Trong hệ thống thông tin toàn doanh nghiệp thì hệ thống thông tin kế toán đóng vai trò vô cùng quan trọng. Mọi hoạt động trong doanh nghiệp, suy cho cùng thì đều có liên quan đến tài chính, kế toán và mọi hoạt động trong doanh nghiệp suy cho cùng thì đều được thực hiện bởi con người. Do vậy để hệ thống thông tin kế toán cung cấp các thông tin kịp thời và có chất lượng cao thì trước hết phải đáp ứng đủ nhân sự cho công tác kế toán, tuyển dụng những người có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn về lĩnh vực kế toán, tốt nghiệp các trường có danh tiếng, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan trong công việc.

Hai là, nên thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về CĐKT mới, tập huấn về những thay đổi khi chuyển đổi BCTC từ VAS sang IFRS cho các nhân viên kế toán trong toàn Tập đoàn. Trên thực tế, đối với công tác KTTC, Tập đoàn đang thực hiện tương đối tốt. Cả công ty mẹ và các công ty thành viên đang áp dụng một CĐKT thống nhất. Tập đoàn nên tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ làm công tác kế toán ở công ty mẹ và các công ty thành viên về những nghiệp vụ chủ yếu, về những thay đổi chính của CĐKT mới so với CĐKT cũ để việc hạch toán

mang tính thống nhất, tránh trường hợp cùng một nghiệp vụ mà mỗi đơn vị lại hạch toán một kiểu.

Ba là, công ty mẹ Tập đoàn cần nghiên cứu bổ sung các báo cáo phân tích vào hệ thống báo cáo kế toán quản trị của Tập đoàn, sau đó phổ biến cho các đơn vị thành viên trong Tập đoàn để có cơ sở đánh giá, soát xét toàn bộ quá trình hoạt động trong các lĩnh vực của Tập đoàn qua đó có những điều chỉnh kịp thời thông qua các gian lận, sai sót được phát hiện.

Bốn là, công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên cần nghiên cứu để lựa chọn mô hình tổ chức công tác KTQT phù hợp với đặc điểm hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý và phục vụ tốt nhất cho công tác quản trị tại Tập đoàn.

Năm là, Công ty mẹ Tập đoàn cần ban hành các quy định về trách nhiệm của nhân viên kế toán và thời hạn tiến hành các công việc như kết chuyển, khóa sổ và in sổ kế toán từ phân mềm kế toán. Sổ dĩ cần phải làm như vậy để tránh trường hợp nhiều công ty khi có đoàn kiểm tra đến mới tiến hành in sổ kế toán hoặc in sổ kế toán theo năm, điều này rất dễ dẫn đến rủi ro mất số liệu khi phân mềm kế toán gặp sự cố trực trực./.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Lan Anh (2013), Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Luận án Tiến sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Bộ Tài Chính (2005), Thông tư 72/2005/TT - BTC này 1 tháng 9 năm 2005 về "Hướng dẫn xây dựng Quy chế quản lý tài chính của công ty Nhà Nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con

Ngô Trí Tuệ - Chủ nhiệm đề tài (2004), Xây dựng Hệ thống kiểm soát nội bộ với việc tăng cường quản lý tài chính tại Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam

Bùi Thị Minh Hải (2012), Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp may mặc Việt Nam, Luận án tiến sỹ kinh tế, Trường Đại học kinh tế Hà Nội.